

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tóm tắt về công trình: Sửa chữa trung tu máy diesel Cummins số 4 - Nhà máy điện Phú Quý;

- Tên gói thầu: Cung cấp vật tư, phụ tùng và Sửa chữa trung tu máy diesel Cummins số 4;

- Địa điểm thực hiện: đặc khu Phú Quý, tỉnh Lâm Đồng.

- Quy mô của gói thầu: theo Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa và Mẫu số 01D. Các dịch vụ liên quan thuộc Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU.

- Yêu cầu về cung cấp hàng hóa thuộc gói thầu: cung cấp vật tư phụ tùng máy diesel Cummins số 4 và các dịch vụ liên quan (Vận chuyển; lắp đặt, thay thế hoàn chỉnh vật tư phụ kiện Sửa chữa trung tu máy diesel Cummins số 4).

- Thời gian thực hiện gói thầu: trong vòng 150 ngày, tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan). Trong đó, thời gian giao hàng là 120 ngày và thời gian hoàn thành các dịch vụ liên quan là 30 ngày.

- Những thông tin khác: không có.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Đặc tính kỹ thuật hàng hóa, như sau:

Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng và đáp ứng các yêu cầu đặc tính kỹ thuật sau:

Công ty Điện lực Bình Thuận hiện đang sử dụng máy phát điện diesel Cummins do chính hãng Cummins sản xuất (**Model VTA-28-G5**).

Do hàng hóa không thể mô tả chi tiết đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ. Do đó, áp dụng mã số cơ phận của từng loại vật tư phụ tùng chính hãng máy phát điện diesel Cummins (**Model VTA-28-G5**) để minh họa cho yêu cầu đặc tính kỹ thuật.

Nhà thầu sẽ chào thầu theo mã số cơ phận hiện tại của vật tư phụ tùng chính hãng máy phát điện diesel Cummins hoặc tương đương (tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ), như sau:

Stt	Danh mục hàng hóa	Mã số cơ phận hiện tại	Chào thầu	
			Mã số cơ phận	Nhà sản xuất/ Nước sản xuất
1	Seal, Oil (Phốt đầu trục cơ)	3.020.182		
2	Seal, Oil (Phốt đuôi trục cơ)	3.642.365		
3	Seal, Oil (Phốt puly trung gian)	3.020.187		
4	Seal, Oil (Phốt puly mô tơ sặc)	3.020.190		
5	Set, Main Bearing (Bộ bạc lót trục cơ)	4.911.903		
6	Bearing , Cond Rod (Bạc lót thanh truyền)	200.600		
7	Valve, Intake (Supáp hút)	3.803.512		
8	Valve, Exhaust (Supáp xả)	3.803.519		
9	Insert, Valve (Miệng supáp hút)	200.354		
10	Insert, Valve (Miệng supáp xả)	127.930		
11	Set, Upper Gasket (Bộ don trên)	3.803.697		
12	Set, Lower Gasket (Bộ don dưới)	3.017.564		
13	Kit, Cylinder Liner (Bộ xy lanh)	3.801.826		
14	Kit, Engine Piston (Bộ pít tông)	3.803.002		
15	Set, Piston Ring (Bạc séc măng)	4.089.811		
16	Injector (Bộ vòi phun)	3.058.849		
17	Kit, Turbocharger (Trục bộ tăng áp)	4.089.828		
18	Guide, Valve Stem (Ống dẫn hướng supáp)	3.006.456		
19	Bushing (Bạc thau trục puly trung gian)	132.770		
20	Seal, Oil (Phốt trục bơm nước)	3.003.353		
21	Seal, Water Pump (Phốt bơm nước)	3.089.056		
22	Camshaft (Cốt cam bên phải)	4.084.751		
23	Camshaft (Cốt cam bên trái)	4.084.750		
24	Bushing (bộ bạc lót trục cam)	70.437		
25	Tappet, Injector (Bút so dầu)	4.071.619		

Stt	Danh mục hàng hóa	Mã số cơ phận hiện tại	Chào thầu	
			Mã số cơ phận	Nhà sản xuất/ Nước sản xuất
26	Tappet, Valve (Bút so supáp)	4.071.615		
27	Bushing (Bạc đỡ nhông kéo mô tơ sạc)	116.391		
28	Hose, Plain (Ống nước nối vào bộ sưởi gió nạp)	3.027.706		
29	Hose, Plain (Ống nước nối qua 02 nắp quy lát)	3.017.278		
30	Hose, Flexible (Ống nhớt lên Turbo)	3.414.584		
31	Hose, Flexible (Ống nhớt từ turbo về cạc te)	3.065.060		
32	Hose, Plain (Ống gió từ turbo qua buôn nạp)	3.081.053		
33	Hose, Plain (Ống nước nối qua sinh hàn gió)	3.017.276		
34	Bushing (Bạc thau trục kéo bom dầu)	116.391		
35	Bushing (Bạc thau nhông trung gian)	121.790		
36	Seal, Oring (Don sinh hàn)	3.010.617		
37	Bushing (Bạc cò mỏ supáp)	140.330		
38	Bushing (Bạc cò mỏ kim phun)	218.153		
39	Shaft, Rocker Lever (Đòn gánh cò mỏ)	BM71481		
40	Plug, Expansion (Nút chặn đòn gánh cò mỏ)	161.825		
41	Plug, Expansion (Nút chặn đòn gánh cò mỏ)	175.830		
42	Shaft, Pivot (Cốt trục tăng dây cuaroa)	3.003.393		
43	Bushing (Bạc đỡ cốt trục tăng dây cuaroa)	3.060.905		
44	Guide, Spring (Ty đỡ lò so)	3.003.409		
45	Hose, Flexible (Ống dẫn dầu)	AS12020SS		

Stt	Danh mục hàng hóa	Mã số cơ phận hiện tại	Chào thầu	
			Mã số cơ phận	Nhà sản xuất/ Nước sản xuất
46	Hose, Flexible (Ống dẫn dầu) (AK5015SS)	2.870.338		
47	Hose, Flexible (Ống dẫn dầu)	AK6014SS		
48	Hose, Flexible (Ống nhớt từ bơm đến lọc nhớt) (501-0537-22)	4.071.923		
49	Hose, Flexible (Ống nhớt từ lọc nhớt về cạc te) (501-0537-49)	AK6022SS		
50	Shaft, Water Pump (Trục bơm nước)	209.806		
51	Sleeve, Wear (Bạc lót)	190.397		
52	Sleeve, Wear (Bạc lót)	3.003.239		
53	Bearing, Ball (Ổ bi bơm nước)	3.003.354		
54	Hose, Flexible (Ống dầu đến van dầu hồi)	AK4054SS		
55	Cap, filler (nắp nhớt)	107.981		

Trường hợp nhà thầu chào khác mã số cơ phận, để có cơ sở đánh giá tương đương của hàng hóa về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì hàng hóa chào phải:

- Phải có xác nhận của nhà sản xuất máy phát điện Cummins hiện hữu, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tương thích đồng bộ với công nghệ, thiết bị/hệ thống hiện hữu được phép thay thế cho phụ tùng máy phát điện Cummins hiện hữu mà không ảnh hưởng đến quá trình vận hành, đồng thời đính kèm các tài liệu kỹ thuật trong E-HSDT;

- Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi vật tư, thiết bị nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị/hệ thống của Chủ đầu tư sau khi thay thế vật tư, lắp đặt, vận hành chạy thử và trong thời gian bảo hành;

- Nhà thầu phải cam kết phối hợp với Chủ đầu tư trong quá trình thay thế, lắp đặt. Trong quá trình thực hiện thay thế lắp đặt các thiết bị, nhà thầu phối hợp, tư vấn hỗ trợ cho Chủ đầu tư kiểm tra, lắp đặt, cấu hình, chạy thử thiết bị để đảm bảo tính tương đương của hàng hóa chào thầu.

Ghi chú:

Nhà thầu có thể khảo sát thực tế vị trí lắp đặt trước khi chào thầu để đảm bảo chào hàng hóa có thông số kỹ thuật phù hợp.

1.3. Các yêu cầu khác

Stt	Nội dung	Yêu cầu	Chào thầu
1	Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hoá		
	Tài liệu kỹ thuật như: tiêu chuẩn hàng hóa, tính năng, thông số kỹ thuật, bảo hành, catalogue, bản vẽ,... của từng loại hàng hóa	Cung cấp kèm theo E-HSDT	
	- Chứng chỉ ISO 9001 của nhà sản xuất hoặc chứng chỉ tương đương (còn hiệu lực)	Cung cấp kèm theo E-HSDT	
2	Nhà thầu phải cam kết cung cấp đầy đủ các tài liệu sau: - Đối với hàng nhập khẩu: + Chứng chỉ xuất xứ hoặc Chứng nhận xuất xứ hợp lệ theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa (Bản chính hoặc bản sao y của nhà nhập khẩu). + Chứng chỉ chất lượng của nhà chế tạo/nhà sản xuất (Bản chính hoặc bản sao y của nhà nhập khẩu). + Tờ khai hàng hóa nhập khẩu, chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng do cơ quan chức năng phát hành (nếu có) (Bản chính hoặc bản sao y của nhà nhập khẩu).	Cung cấp cam kết kèm theo E-HSDT	

Stt	Nội dung	Yêu cầu	Chào thầu
	<p>+ Các tài liệu kỹ thuật quy định trong hợp đồng.</p> <p>- Đối với hàng sản xuất trong nước:</p> <p>+ Bản kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa của cơ quan chức năng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (Bản chính hoặc Bản sao y của nhà sản xuất).</p> <p>+ Chứng từ đã nộp thuế do cơ quan chức năng phát hành (nếu có).</p> <p>+ Các tài liệu kỹ thuật quy định trong hợp đồng.</p>		
3	Tiến độ giao hàng	Đáp ứng yêu cầu về ngày giao hàng tại Mẫu số 01A . Phạm vi cung cấp hàng hóa, thuộc Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu	
4	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đáp ứng yêu cầu tại Mẫu số 01D . Các dịch vụ liên quan, thuộc Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.	
5	Yêu cầu về thời gian bảo hành và địa điểm bảo hành	Đáp ứng yêu cầu theo E-ĐKC 23.3 , thuộc Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.	
6	Nhà thầu phải cam kết đáp ứng các điều kiện thương mại, điều khoản thanh toán trong E-HSMT	Cung cấp cam kết kèm theo E-HSMT	

Mục 2. Bản vẽ

- Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Stt	Nội dung	Yêu cầu	Chào thầu
1	Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành.	<p>Khi giao hàng tại kho Đội quản lý điện Phú Quý, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa trước khi lắp đặt, thay thế, nội dung kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra ngoại quan hàng hóa không khuyết tật, không lỗi; - Kiểm tra nhãn mác, đối chiếu mã số cơ phận, xuất xứ hàng hóa, các chứng từ, tài liệu kèm theo khi giao hàng so với bảng đặc tính kỹ thuật của hàng hóa đúng theo hợp đồng; - Đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, Chủ đầu tư có quyền không nhận hàng; - Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành lập biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng hàng hóa trước khi thực hiện lắp đặt thay thế. <p>Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiệm thu chạy thử: Thời gian chạy nghiệm thu bàn giao được quy định tối thiểu 36 giờ với công suất $\geq 75\%$ công suất định mức, trong đó có ít nhất chạy một lần liên tục 12 giờ với công suất $\geq 75\%$ công suất định mức mà không có các hiện tượng bất thường, hay các trục trặc khác do các bộ phận chính của máy phát gây ra. Riêng đối với các máy phát diesel có công suất dưới 500 kW thời gian chạy bàn giao được quy định tối thiểu 18 giờ với công suất $\geq 75\%$ công suất định mức, trong đó có ít nhất chạy một lần liên tục trên 8 giờ với công suất $\geq 75\%$ công suất định mức để nghiệm thu và lập biên bản nghiệm thu hoàn thành các dịch vụ liên quan. 	